

Chi tiết mã HS 0508.00.20

Mã HS	0508.00.20
Mô tả hàng hóa	San hô và các chất liệu tương tự, chưa xử lý hoặc đã sơ chế nhưng chưa gia công thêm; mai, vỏ động vật thân mềm, động vật giáp xác hoặc động vật da gai và mai mực, chưa xử lý hoặc đã sơ chế nhưng chưa cắt thành hình, bột và phế liệu từ các sản phẩm trên / - Mai, vỏ động vật thân mềm, động vật giáp xác hoặc động vật da gai
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	30/10/2026 08:57:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/05080020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K956
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N956
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q956
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E945
ATIGA	2022	2022	0	AT!E946
ATIGA	2023	2023	0	AT!F946
ATIGA	2024	2024	0	AT!G946
ATIGA	2025	2025	0	AT!H946
ATIGA	2026	2026	0	AT!I946
ATIGA	2027	2027	0	AT!J946
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E948
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F948
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G948
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H948

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I948
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J948
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E950
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F950
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G950
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H950
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I950
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J950
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F952
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H947
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F948
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G948
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H948
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I948
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J948
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K948
VKFTA	2022	2022	0	VK!E946
VKFTA	2023	2023	0	VK!F946
VKFTA	2024	2024	0	VK!G946
VKFTA	2025	2025	0	VK!H946
VKFTA	2026	2026	0	VK!I946
VKFTA	2027	2027	0	VK!J946
VCFTA	2022	2022	0	VC!D957
VCFTA	2023	2023	0	VC!E957
VCFTA	2024	2024	0	VC!F957
VCFTA	2025	2025	0	VC!G957

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H957
VCFTA	2027	2027	0	VC!I957
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D954
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E954
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F954
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G954
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H954
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I954
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D192
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E192
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D963
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E963
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F963
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G963
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H963
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I963
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D947
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E947
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F947
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G947
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H947
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I947
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D949
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E949
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F949
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G949

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H949
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I949
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D947
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E947
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F947
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G947
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H947
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I947
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J947
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D950
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E950
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F950
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G950
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H950
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I950
RCEP B	2022	2022	0	B!D950
RCEP B	2023	2023	0	B!E950
RCEP B	2024	2024	0	B!F950
RCEP B	2025	2025	0	B!G950
RCEP B	2026	2026	0	B!H950
RCEP B	2027	2027	0	B!I950
RCEP C	2022	2022	0	C!D950
RCEP C	2023	2023	0	C!E950
RCEP C	2024	2024	0	C!F950
RCEP C	2025	2025	0	C!G950
RCEP C	2026	2026	0	C!H950

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I950
RCEP D	2022	2022	0	D!D950
RCEP D	2023	2023	0	D!E950
RCEP D	2024	2024	0	D!F950
RCEP D	2025	2025	0	D!G950
RCEP D	2026	2026	0	D!H950
RCEP D	2027	2027	0	D!I950
RCEP E	2022	2022	0	E!D950
RCEP E	2023	2023	0	E!E950
RCEP E	2024	2024	0	E!F950
RCEP E	2025	2025	0	E!G950
RCEP E	2026	2026	0	E!H950
RCEP E	2027	2027	0	E!I950
RCEP F	2022	2022	0	F!D950
RCEP F	2023	2023	0	F!E950
RCEP F	2024	2024	0	F!F950
RCEP F	2025	2025	0	F!G950
RCEP F	2026	2026	0	F!H950
RCEP F	2027	2027	0	F!I950
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F919
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G919
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H919
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!!919

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
--------------	-----	------------	-------	----------------------	-------------------	-------------	------------------------

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Dược liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0508.00 có 2 dòng thuế; dòng 0508.00.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Mai, vỏ động vật thân mềm, động vật giáp xác hoặc động vật da gai.	0508.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0508.00.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0508.00.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N956), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Chính sách mặt hàng

Dược liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.